TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **35**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2019
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Tăng Thuận**

- Các *Hội thẩm nhân dân*:

1/ Bà **Phạm Thị Kiếm** – Trường Tiểu học Dương Đông 1, huyện Phú Quốc.

2/ Ông **Trần Văn Thuận**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Mỹ Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà:*** Ông **Nguyễn Văn Trung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2018, về tranh chấp: "***Ly hôn*** " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXX-ST ngày 25/6/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ .., khu phố …, thị trấn A T, Phú Quốc, Kiên Giang.

- ***Bị đơn***: Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố .., thị trấn D Đ, Phú Quốc, Kiên Giang.

- ***Con chung***: **Lê Ngọc K B**, sinh ngày 18/01/2015

Địa chỉ: Tổ .., khu phố .., thị trấn A T, Phú Quốc, Kiên Giang

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Chị T và anh N tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên cha mẹ tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Q, huyện G Q, tỉnh K G và được Ủy ban nhân dân xã T Q, huyện G Q, tỉnh K G cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/7/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2016 chị T và anh N phát sinh mâu thuẩn, bất đồng ý kiến thường xuyên cải nhau từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Mặc dù, chị T cố gắng chịu đựng mang lại hạnh phúc bên nhau để cho anh N sửa đổi tính tình nhưng anh N không chịu sửa, nên từ năm 2016 chị T và anh N đã ly thân cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Có 01 người con chung tên Lê Ngọc K B, sinh ngày 18/01/2015. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về công nợ chung*: Chị T cam kết vợ chồng chị không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

- ***Bị đơn anh Lê Văn N***: Toà án đã triệu tập anh Lê Văn N để tiến hành lấy lời khai, thông báo cho anh N về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Toà án đã lập biên bản không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về thủ tục tố tụng đại diện Viện kiểm sát nhận định như sau: Sau khi trực tiếp kiểm tra hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc xét thấy Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Xác định thẩm quyền, loại việc, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tiến hành lấy lời khai, trình tự thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ, thời gian giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng đều đúng pháp luật. Kiểm sát viên cho rằng về thời hạn xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng thời hạn luật định.

- Về hướng giải quyết vụ án: Xét thấy chị T và anh N không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lê Văn N là có cơ sở chấp nhận. Do đó chấp nhận yêu cầu yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T. Về con chung: hiện tại cháu B còn nhỏ, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay chị T người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, nhằm đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần cho cháu B cần giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về nợ chung: Chị T cam kết vợ chồng chị T không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Vào các ngày 25/3/2019, ngày 24/4/2019 Toà án đã triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần đối với anh Lê Văn N là bị đơn nhưng anh N không có mặt tại nhà vì vậy Toà án đã niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt đối với anh N theo khoản 3 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị T và anh N.

Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T và anh N bất đồng ý kiến, thường xuyên cải nhau, chị T và anh N đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Do đó, chị T thấy tình cảm giữa chị và anh N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn với anh N. Xét thấy yêu cầu của chị T là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy T ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh N có một người con chung: Lê Ngọc K B, sinh ngày 18/01/2015. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và cũng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu B còn nhỏ tuổi, hơn nữa là cháu gái và từ khi chị T và anh N đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, nhằm đảm bảo phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần cho cháu B nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được nuôi cháu B đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Anh N được quyền lui tới thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích chung về mọi mặt của con nên chị T và anh N khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- *Về công nợ chung*: Chị T cam kết vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định pháp luật, anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T, bị đơn anh Lê Văn N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với anh Lê Văn N.

- Cho chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Văn N.

2/ Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Ngọc K B, sinh ngày 18/01/2015 chị T trực tiếp nuôi nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, Tòa ghi nhận.

Anh N được quyền lui tới thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích chung về mọi mặt của con nên chị T và anh N khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

- *Về công nợ chung:* Chị T cam kết vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số CU/2014 0008108 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, nay chuyển thành án phí.

Anh Lê Văn N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa nên chị T, anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi chị T, anh N cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Kiên Giang;
- VKSND Phú Quốc;
- Chi cục THADS Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tăng Thuận